

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Tháng 08 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên	
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên	Từ ngày 30/06/2022
Ông Vũ Hoàng Thao	Thành viên	Đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính - Kế toán

Ông Triệu Văn Bằng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hoàng Thao
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23/08/2022, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, Thuyết minh số 7, Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30/06/2022, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước người bán với số tiền lần lượt là 16.466.777.909 đồng, 18.499.862.096 đồng, 5.518.599.530 đồng (tại ngày 01/01/2022 tương ứng là 24.090.122.949 đồng, 23.713.138.510 đồng và 5.518.599.530 đồng). Phần lớn các khoản công nợ trên được bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại thời điểm ngày 29/11/2016 theo Biên bản bàn giao ngày 12/02/2018. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được Công ty trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định do chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của các Công ty này.

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 10.715.760.581 đồng (Tại ngày 01/01/2022 là 6.928.787.063 đồng). Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty này hay điều chỉnh các mục có liên quan hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quyết định pháp lý có liên quan đến việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng Cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80% và 20% là vốn tự có của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế), trong đó có lợi nhuận thu được từ chuyển đổi dự án của Cảng hiện tại tại ICD Mỹ Đình. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng, tiến độ dự án được dự kiến từ năm 2015 đến quý III năm 2017, theo đó nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được xây dựng trên đất thuê của Công ty mẹ sẽ phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng từ 10 đến 13 năm vì Công ty mẹ đang trong thời gian hoàn thành các thủ tục chuyển đổi Dự án của Cảng này.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề nhấn mạnh (tiếp)

Như đã trình bày tại thuyết minh số 30 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 30/06/2020, lỗ lũy kế của Công ty là 64.719.522.802 đồng, tại ngày này các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 85.159.883.230 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào sự thành công của các kế hoạch triển khai trong tương lai.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		183.392.468.589	194.468.328.034
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.207.118.787	15.285.308.164
Tiền	111		18.207.118.787	15.285.308.164
Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.354.000.000	3.354.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		370.000.000	370.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(16.000.000)	(16.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.482.290.721	160.006.718.183
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	98.104.970.226	119.328.830.141
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	17.554.920.921	17.191.555.948
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	14	6.578.804.179	778.804.179
Các khoản phải thu khác	136	7	56.902.086.584	57.249.977.504
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 9, 14	(41.658.491.189)	(34.542.449.589)
Hàng tồn kho	140		15.760.680.702	13.371.944.235
Hàng tồn kho	141	8	15.760.680.702	13.371.944.235
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.588.378.379	2.450.357.452
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.395.640.921	579.598.610
Thuế GTGT được khấu trừ	152		161.601.292	285.967.535
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.031.136.166	1.584.791.307
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		535.219.418.389	538.632.198.207
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.317.100.000	6.008.700.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.317.100.000	6.008.700.000
Tài sản cố định	220		50.654.635.922	49.596.969.837
Tài sản cố định hữu hình	221	10	50.329.802.087	49.187.446.522
- Nguyên giá	222		181.687.386.149	177.128.432.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.357.584.062)	(127.940.986.059)
Tài sản cố định vô hình	227	11	324.833.835	409.523.315
- Nguyên giá	228		984.331.600	984.331.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(659.497.765)	(574.808.285)
Tài sản dở dang dài hạn	240		245.262.111.679	241.999.835.481
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5	245.262.111.679	241.999.835.481
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	233.836.941.411	237.562.630.401
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		63.299.692.976	63.299.692.976
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		171.679.717.675	175.405.406.665
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.142.469.240)	(1.142.469.240)
Tài sản dài hạn khác	260		4.148.629.377	3.464.062.488
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	4.148.629.377	3.464.062.488
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		718.611.886.978	733.100.526.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		352.882.828.642	353.718.469.471
Nợ ngắn hạn	310		269.052.305.736	272.040.595.564
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	16.351.033.318	15.014.376.072
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		667.666.514	3.606.942.377
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.547.837.361	912.046.510
Phải trả người lao động	314		2.380.356.483	5.046.503.626
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.849.336.175	2.595.183.928
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		247.660.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	126.808.396.626	125.126.034.103
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	115.844.338.310	119.307.175.296
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		355.680.949	432.333.652
Nợ dài hạn	330		83.830.522.906	81.677.873.907
Phải trả người bán dài hạn	331	15	41.666.718.076	40.785.871.378
Phải trả dài hạn khác	337	18	41.065.421.497	40.887.805.497
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.098.383.333	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	4.197.032
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		365.729.058.336	379.382.056.770
Vốn chủ sở hữu	410	20	365.729.058.336	379.382.056.770
Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(64.719.522.802)	(57.537.661.792)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(57.654.782.376)	(36.935.898.277)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.064.740.426)	(20.601.763.515)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		70.448.581.138	76.919.718.562
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		718.611.886.978	733.100.526.241

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Triệu Văn Bằng



Vũ Hoàng Thao

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022 VND	đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	137.254.683.825	112.460.741.241
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.008.180	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.246.675.645	112.460.741.241
Giá vốn hàng bán	11	23	120.375.671.883	93.107.680.660
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.871.003.762	19.353.060.581
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	275.080.784	760.409.097
Chi phí tài chính	22	25	3.458.374.444	7.276.102.361
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.467.936.951	1.533.406.006
Chi phí bán hàng	25	26	1.576.905.750	5.685.160.107
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	17.188.859.719	6.382.922.140
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.078.055.367)	769.285.070
Thu nhập khác	31	27	82.977.320	342.785.577
Chi phí khác	32	28	324.913.994	772.626.058
Lợi nhuận khác	40		(241.936.674)	(429.840.481)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.319.992.041)	339.444.589
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		693.263.876	965.158.942
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	2.195.791
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.013.255.917)	(627.910.144)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(7.064.740.426)	(2.012.024.421)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.051.484.509	1.384.114.277
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70		(190)	(54)

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc



Phùng Ngọc Dung

Triệu Văn Bằng

Vũ Hoàng Thao

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(5.319.992.041)	339.444.589
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.286.414.731	4.943.960.633
Các khoản dự phòng	03		7.116.041.600	(3.800.000.000)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		988.970.913	(158.878.197)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(270.537.374)	(606.103.136)
Chi phí lãi vay	06		2.467.936.951	1.533.406.006
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		9.268.834.780	2.251.829.895
Tăng giảm các khoản phải thu	09		26.578.007.246	37.521.651.681
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.388.736.467)	(919.286.203)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(5.420.443.914)	(31.729.779.951)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.500.609.200)	623.385
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(370.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(856.160.453)	(885.379.979)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(944.122.683)	(492.362.157)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		25.843.916	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(189.040.072)	(84.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		24.573.573.153	5.293.296.671
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.209.019.349)	(9.857.434.676)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		60.564.000	50.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.800.000.000)	(6.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.067.800.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(92.004.230.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		372.000.000	6.874.720.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		233.852.433	413.226.530
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(8.342.602.916)	(97.355.918.146)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		25.731.443.014	107.840.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28.095.896.667)	(27.202.500.002)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.944.252.000)	(1.364.757.861)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(7.308.705.653)</i>	<i>79.272.742.137</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		<i>8.922.264.584</i>	<i>(12.789.879.338)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.285.308.164	45.926.965.531
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(453.961)	(834.280)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	<u>24.207.118.787</u>	<u>33.136.251.913</u>

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Triệu Văn Bằng



Vũ Hoàng Thao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Hoàng Thao - Tổng Giám đốc

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giấy dếp;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì giấy và bìa;
- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ ăn uống khác;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Cổng thông tin; (Trừ hoạt động báo trí).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá ;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
(Trừ dược phẩm).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất nhà nước cấm).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
Chi tiết: hoạt động của các đại lý bảo hiểm.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.
Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm).
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đơn vị

A. Các Công ty con

Tỷ lệ sở hữu

1. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây (trước đây là Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà)	51,00 %
3. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	58,65 %
4. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	60,18 %
5. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	51,00 %

B. Các Công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế
2. Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội
3. Công ty May Liên doanh Plummy
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam
5. Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp
6. Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây
7. Công ty Cổ phần Đa Phúc
8. Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam
9. Công ty TNHH Logistics Interserco – Vật Cách
10. Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân

Các Công ty liên kết này được trình bày theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp Vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được hợp nhất từ báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty do công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Ngoại trừ lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện giao dịch nội bộ, các khoản giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Công ty mẹ và các số dư nội bộ giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;
2. Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây;
3. Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình;
4. Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam;
5. Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Do không thu thập được các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết nên các khoản đầu tư này được kế toán theo phương pháp giá gốc thay vì phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính. Lợi nhuận thuần được chia từ các Công ty này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, chi phí đền bù hoa màu và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển xuất dùng, đồ dùng cho thuê có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí đền bù hoa màu được phân bổ trong thời gian 45 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số Cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, trong đó, phần vốn Nhà nước do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

3.16. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.19. NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	1.190.344.980	843.230.247
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.016.773.807	14.442.077.917
- Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
	24.207.118.787	15.285.308.164

5. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	245.262.111.679	241.999.835.481
- Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (*)	239.211.005.022	234.987.484.231
- Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng	1.960.446.639	1.960.446.639
- Xây dựng cơ bản khác	4.090.660.018	5.051.904.611
	245.262.111.679	241.999.835.481

(*) Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội được khởi công xây dựng vào tháng 02 năm 2017 với Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.598.494.510.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ tháng 02/2017 đến Quý 4/2023. Đến thời điểm 30/06/2022, Dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện đầu tư.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.395.640.921	579.598.610
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.395.640.921	579.598.610
Chi phí trả trước dài hạn	4.148.629.377	3.464.062.488
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.055.658.158	1.943.221.072
- Chi phí đền bù hoa màu	277.537.797	283.070.109
- Chi phí giới thiệu cảng ICD Mỹ Đình	811.394.957	811.394.957
- Các khoản khác	2.004.038.465	426.376.350
	5.544.270.298	4.043.661.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn (*)	56.902.086.584	5.762.249.797	57.249.977.504	5.762.249.797
- Ký cược, ký quỹ	302.000.000	-	356.000.000	-
- Phải thu khác	30.901.932.382	-	28.119.896.959	-
+ Bà Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	2.816.000.000	-	2.816.000.000	-
+ Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	3.560.333.333	3.560.333.333	3.560.333.333
+ Công ty Cổ phần Đa Phúc	12.986.270.710	-	12.986.270.710	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	1.971.668.010	2.816.668.586	1.971.668.010
+ Đối tượng khác	8.722.659.753	230.248.454	5.940.624.330	230.248.454
- Tạm ứng	25.698.154.202	-	28.774.080.545	-
Dài hạn	1.317.100.000	-	6.008.700.000	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	4.691.600.000	-
+ Ông Nguyễn Khắc Hiếu	-	-	4.691.600.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.317.100.000	-	1.317.100.000	-
	58.219.186.584	5.762.249.797	63.258.677.504	5.762.249.797
Phải thu khác là các bên liên quan	13.098.521.718	-	13.261.851.203	-
Phải thu khác	13.098.521.718	-	13.261.851.203	-
+ Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	106.768.433	-	-	-
+ Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	5.482.575	-	275.580.493	-
+ Công ty Cổ phần Đa Phúc	12.986.270.710	-	12.986.270.710	-

(*) Trong đó: Theo Biên bản bàn giao Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018, các khoản phải thu khác nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty Cổ phần là 6.377.001.919 đồng (số đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2022 là 5.762.249.797 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
- Hàng gửi đi bán
- Hàng hoá

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	126.158.587	-	95.225.292	-
	-	-	-	-
	2.235.878.430	-	2.306.423.094	-
	-	-	451.214.000	-
	13.398.643.685	-	10.519.081.849	-
	15.760.680.702	-	13.371.944.235	-

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng ngắn hạn (*)

- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Xuất khẩu Thiện Tài
- Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Việt Long
- Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
- Công ty Cổ phần Đa Phúc
- XNXD3 - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV
- Các khách hàng khác

Phải thu của khách hàng dài hạn

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 29)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	98.104.970.226	35.896.241.392	119.328.830.141	28.280.199.792
	24.353.472.000	24.353.472.000	24.353.472.000	17.047.430.400
	13.328.342.970	-	14.528.342.970	-
	6.348.373.827	6.348.373.827	6.348.373.827	6.348.373.827
	5.460.000.000	-	17.973.300.000	-
	9.125.000.000	-	9.125.000.000	-
	6.440.269.832	-	6.440.269.832	-
	33.049.511.597	5.194.395.565	40.560.071.512	4.884.395.565
	-	-	-	-
	19.429.531.910	-	13.123.902.004	-

(*) Trong đó: Theo Biên bản bàn giao Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018, các khoản phải thu khách hàng nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty Cổ phần là 55.164.854.194 đồng (số đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 35.396.241.392 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc tuyệt bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	153.922.371.535	14.328.757.700	8.069.004.320	563.506.785	244.792.241	177.128.432.581
Mua trong kỳ	3.542.813.339	295.427.273	1.607.167.273	-	-	5.445.407.885
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(100.000.000)	(56.700.000)	-	(156.700.000)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(499.621.817)	-	-	(499.621.817)
Giảm khác	(230.132.500)	-	-	-	-	(230.132.500)
30/06/2022	157.235.052.374	14.624.184.973	9.076.549.776	506.806.785	244.792.241	181.687.386.149
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	109.331.719.878	12.158.221.527	6.055.065.209	237.224.187	158.755.258	127.940.986.059
Khấu hao trong kỳ	3.511.170.863	349.307.559	276.647.329	55.107.878	9.491.622	4.201.725.251
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(52.529.766)	(24.224.586)	-	(76.754.352)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(708.372.896)	-	-	(708.372.896)
30/06/2022	112.842.890.741	12.507.529.086	5.570.809.876	268.107.479	168.246.880	131.357.584.062
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	44.590.651.657	2.170.536.173	2.013.939.111	326.282.598	86.036.983	49.187.446.522
30/06/2022	44.392.161.633	2.116.655.887	3.505.739.900	238.699.306	254.283.863	50.329.802.087

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là: 49.249.800.356 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2022	984.331.600	984.331.600
30/06/2022	<u>984.331.600</u>	<u>984.331.600</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2022	574.808.285	574.808.285
- Khấu hao trong kỳ	84.689.480	84.689.480
30/06/2022	<u>659.497.765</u>	<u>659.497.765</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2022	<u>409.523.315</u>	<u>409.523.315</u>
30/06/2022	<u>324.833.835</u>	<u>324.833.835</u>

12. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn (*)	17.554.920.921	17.191.555.948
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	5.336.785.750	5.336.785.750
- KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	4.722.879.570
- Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	1.203.742.500	1.203.742.500
- Đối tượng khác	6.291.513.101	5.928.148.128
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
	<u>17.554.920.921</u>	<u>17.191.555.948</u>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	523.888.242	523.888.242
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng ICC Việt Nam	523.888.242	523.888.242

(*) Trong đó: Theo Biên bản bàn giao Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 12/02/2018, các khoản trả trước người bán nhận bàn giao từ DNNN sang Công ty Cổ phần là 5.630.756.713 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Tại ngày 30/06/2022: Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long số tiền 3.000.000.000 đồng.

13.2. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	63.299.692.976	63.299.692.976
- Đầu tư vào đơn vị khác	171.679.717.675	175.405.406.665
	234.979.410.651	238.705.099.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	754.000.000	-	754.000.000	-
Công ty TNHH Logistic Interserco - Vật Cách	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	5.397.400.000	-	5.397.400.000	-
Công ty CP đầu tư Bất động sản Quốc tế	9.594.973.518	-	9.594.973.518	-
Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Công ty Máy liên doanh Plummy	3.920.787.063	-	3.920.787.063	-
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	9.800.000.000	-	9.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.864.532.395	1.142.469.240	1.864.532.395	1.142.469.240
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	1.960.000.000	-	1.960.000.000	-
Công ty Cổ phần Đa Phúc	3.008.000.000	-	3.008.000.000	-
	63.299.692.976	1.142.469.240	63.299.692.976	1.142.469.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty khác:

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	50.312.256.997	-	50.312.256.997	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	4.639.659.158	-	4.639.659.158	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 1	22.632.000.000	-	22.632.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô con đường mới	5.729.763.333	-	5.729.763.333	-
- Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá An Bình	-	-	3.725.688.990	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán phổ Wall	738.187	-	738.187	-
- Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	5.865.300.000	-	5.865.300.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	82.500.000.000	-	82.500.000.000	-
	171.679.717.675	-	175.405.406.665	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	6.578.804.179	500.000.000	5.808.804.179	778.804.179	500.000.000	278.804.179
+ Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	8.804.179	-	8.804.179	8.804.179	-	8.804.179
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
+ Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	270.000.000	-	-	270.000.000	-	270.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	16.351.033.318	16.351.033.318	15.014.376.072	15.014.376.072
- Công ty TNHH Thương mại Vật tư và Xây dựng Tây Sơn	293.275.982	293.275.982	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Cường	1.379.671.190	1.379.671.190	-	-
- Công ty Cổ phần Liên kết Phát triển Xi măng	528.990.000	528.990.000	-	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	551.854.809	551.854.809	716.943.364	716.943.364
- Công ty Cổ phần Logistics New Way	-	-	1.713.528.795	1.713.528.795
- Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	4.017.144.817	4.017.144.817	-	-
- Công ty Cổ phần xây dựng ICC Việt Nam	1.242.880.250	1.242.880.250	1.223.609.800	1.223.609.800
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tiếp vận Hà Nội	2.533.368.635	2.533.368.635	2.547.581.177	2.547.581.177
- Các đối tượng khác	5.803.847.635	5.803.847.635	8.812.712.936	8.812.712.936
Các khoản phải trả người bán dài hạn	41.666.718.076	41.666.718.076	40.785.871.378	40.785.871.378
- Glorius (Singapore) Pre Ltd	37.387.392.676	37.387.392.676	36.597.012.178	36.597.012.178
- Công ty TNHH Changlin	4.279.325.400	4.279.325.400	4.188.859.200	4.188.859.200
	58.017.751.394	58.017.751.394	55.800.247.450	55.800.247.450
Phải trả người bán là các bên liên quan	5.828.578.506	5.828.578.506	3.341.005.734	3.341.005.734
- Công ty Cổ phần xây dựng ICC Việt Nam	1.242.880.250	1.242.880.250	1.223.609.800	1.223.609.800
- Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật Cách	16.698.630	16.698.630	-	-
- Công ty Cổ Phần Bê tông Sơn Tây	551.854.809	551.854.809	403.867.139	403.867.139
- Công ty Cổ Phần Cảng Hồng Vân	4.017.144.817	4.017.144.817	1.713.528.795	1.713.528.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	(26.407.866)	1.713.485.045	1.524.191.064	162.886.115
- Thuế xuất nhập khẩu	(37.758.123)	-	-	(37.758.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(210.818.909)	809.914.355	944.122.683	(345.027.237)
- Thuế thu nhập cá nhân	(148.979.515)	577.280.473	389.493.204	38.807.754
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(410.090.109)	4.941.740.227	993.667.157	3.537.982.961
- Các loại thuế khác	-	14.500.000	16.000.000	(1.500.000)
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	161.309.725	-	-	161.309.725
	<u>(672.744.797)</u>	<u>16.113.975.200</u>	<u>7.734.948.216</u>	<u>3.516.701.195</u>
Trong đó:				
Phải thu	1.584.791.307			1.031.136.166
Phải nộp	912.046.510			4.547.837.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.849.336.175	2.595.183.928
- Chi phí lãi vay	1.751.892.153	1.232.919.168
- Chi phí phải trả khác	97.444.022	1.362.264.760
Dài hạn	-	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	126.808.396.626	125.126.034.103
- Kinh phí công đoàn	68.860.767	48.444.320
- Bảo hiểm xã hội	36.940.150	-
- Bảo hiểm y tế	7.092.250	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.477.606	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	126.694.025.853	125.077.589.783
+ Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (1)	45.203.127.617	45.203.127.617
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	3.114.611.124	3.114.611.124
+ Công ty CP Logistics Hàng không (1)	35.493.704.528	35.493.704.528
+ Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình (1)	11.307.344.849	11.307.344.849
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2)	25.481.077.208	25.481.077.208
+ Ngân hàng Đầu tư Phát triển - CN Hà Đông	189.545.619	189.545.619
+ Đối tượng khác	5.904.614.908	4.288.178.838
Dài hạn	41.065.421.497	40.887.805.497
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.065.421.497	40.887.805.497

(*): Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính Hà Nội và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND), do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.114.611.124	10.976.886.278	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.114.611.124	35.493.704.528	45.203.127.617

(1) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(2) Xem thuyết minh số 20.1 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	115.844.338.310	115.652.236.931	24.614.443.014	28.077.280.000	119.307.175.296	119.307.175.296
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>115.844.338.310</i>	<i>115.652.236.931</i>	<i>24.614.443.014</i>	<i>28.077.280.000</i>	<i>119.307.175.296</i>	<i>119.307.175.296</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Hà Đông	499.953.917	499.953.917	-	-	499.953.917	499.953.917
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh (1)	5.041.440.000	5.041.440.000	8.883.600.000	21.467.360.000	17.625.200.000	17.625.200.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	-	-	-	1.409.920.000	1.409.920.000	1.409.920.000
- Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật Cách (2)	2.300.000.000	2.300.000.000	-	-	2.300.000.000	2.300.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân (3)	10.900.000.000	10.900.000.000	-	-	10.900.000.000	10.900.000.000
- Bà Cao Thanh Hiền	-	-	-	900.000.000	900.000.000	900.000.000
- Ông Lê Văn Hoan (4)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	1.700.000.000	3.700.000.000	3.700.000.000
- Bà Vũ Thị Hải Hà	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
- Bà Cao Thị Thanh Hà	-	-	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
- Ông Cao Đức Bôn (5)	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-	-
- Bà Đào Thị Kim Oanh (6)	3.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Vũ Bích Ngọc (7)	7.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	-
- Bà Phạm Thị Mai Phương (8)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Nguyễn Minh Tuấn (9)	76.090.993.151	76.090.993.151	1.840.993.151	-	74.250.000.000	74.250.000.000
- Bà Bùi Thị Minh Tân (10)	3.969.849.863	3.969.849.863	3.039.849.863	-	930.000.000	930.000.000
- Bà Đào Thị Lan Hương	750.000.000	750.000.000	750.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thu Hương	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Trung tâm Mỹ thuật và Phát triển văn hóa	192.101.379	192.101.379	-	-	192.101.379	192.101.379
Vay dài hạn	1.098.383.333	1.098.383.333	1.117.000.000	18.616.667	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.098.383.333	1.098.383.333	1.117.000.000	18.616.667	-	-
	116.942.721.643	116.750.620.264	25.731.443.014	28.095.896.667	119.307.175.296	119.307.175.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19.1 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21033/CRC.HM/HĐTD.DAH Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh với hạn mức cho vay không vượt quá 20.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng 29/09/2021, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ, mục đích tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định;

(2) Theo hợp đồng vay tiền số 01/2021/HĐVT ngày 04/05/2021 và Phụ lục gia hạn hợp đồng số 04/2022/PLHĐ ngày 06/02/2022 giữa Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật Cách và Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình số tiền vay là 2.300.000.000 đồng lãi suất 5,0%/năm, gia hạn thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày 08/05/2022 đến ngày 08/08/2022 theo phụ lục gia hạn hợp đồng số 05/2021/PLHĐ ngày 07/05/2022;

(3) Hợp đồng vay tiền số 01.09/2021/HĐVV/CHV-CST ngày 01/09/2021 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân và Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây số tiền 10.900.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày nhận được tiền. Tại ngày đáo hạn nếu không thanh lý hợp đồng sẽ tự động gia hạn thêm 01 tháng, việc gia hạn có thể thực hiện nhiều lần cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng. Lãi suất cho vay là 2%/năm;

(4) Theo hợp đồng vay tiền số 01A/2021/HĐVV/ILST ngày 13/04/2021 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam và Ông Lê Văn Hoan, số tiền vay tối đa là 5.500.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, lãi suất 5%/năm kể từ ngày ILST nhận được tiền, khoản vay này sẽ tự động gia hạn nếu ILST chưa thực hiện thanh toán cho Ông Lê Văn Hoan;

(5) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 02/2022/HĐVV/ILS-CĐB ngày 07/03/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Ông Cao Đức Bôn, số tiền vay 1.100.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền, tại ngày đáo hạn nếu hai bên không thanh lý hợp đồng, hợp đồng sẽ tự động gia hạn thêm 6 tháng, mục đích khoản vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh;

(6) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 08/2021/HĐVV/ILS-ĐTKO ngày 31/08/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Đào Thị Kim Oanh, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, thời hạn 03 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền. Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản vay này sẽ được tự động gia hạn nếu ILS chưa thực hiện thanh toán khoản vay cho Bà Đào Thị Kim Oanh;

(7) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV/ILS-VBN ngày 04/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Vũ Bích Ngọc, số tiền vay 7.500.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm. Thời hạn vay kể từ ngày ILS nhận được tiền đến hết ngày 30/06/2022, mục đích khoản vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh. Tại ngày đáo hạn nếu hai bên không ký thanh lý hợp đồng, hợp đồng này sẽ tự động gia hạn thêm 06 (sáu) tháng;

(8) Hợp đồng vay tiền số 31.08/2021/HĐVV/CDST-PTMP ngày 31/08/2021 giữa Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây và Bà Phạm Thị Mai Phương số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 2%/năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19.1 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(9) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT ngày 10/3/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế và Ông Nguyễn Minh Tuấn, số tiền vay 74.250.000.000 đồng, lãi suất 5%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền vay, mục đích khoản vay là để đầu tư vào Công ty Cổ phần Logistic Quốc tế Tây Ninh. Phụ lục số 01 ngày 10/9/2021 của Hợp đồng vay tiền số 6/2021/HĐVV/ILS-NMT gia hạn thời gian vay 06 tháng kể từ ngày 10/9/2021 và sẽ tự động gia hạn nếu như hai bên không ký thanh lý hợp đồng;

(10) Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/ILS-BTMT ngày 24/02/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Bùi Thị Minh Tân, số tiền vay 930.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày ILS nhận được tiền, mục đích khoản vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh. Phụ lục số 01 ngày 16/08/2021 và phụ lục số 02 ngày 21/02/2022 của hợp đồng vay tiền số 03/2021/HĐVV/ILS-BTMT ngày 24/02/2021 gia hạn thời gian vay từ 23/08/2021 đến hết 31/12/2022, từ ngày 24/02/2022 số tiền vay là 969.849.863 đồng;

Là khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 05/2022/HĐVV/ILS-BTMT ngày 28/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Bùi Thị Minh Tân, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm. Việc gia hạn có thể được thực hiện nhiều lần cho tới khi hai bên thanh lý hợp đồng, mục đích khoản vay là để phục vụ hoạt động kinh doanh.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và nguồn vốn khác (*)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	360.000.000.000	76.919.718.562	(57.537.661.792)	379.382.056.770
- Lỗi trong kỳ	-	1.051.484.509	(7.064.740.426)	(6.013.255.917)
- Chia cổ tức	-	(1.555.250.000)	-	(1.555.250.000)
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	(5.967.371.933)	98.879.416	(5.868.492.517)
30/06/2022	360.000.000.000	70.448.581.138	(64.719.522.802)	365.729.058.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 30/06/2022, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp VND	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp VND
Vốn góp của Nhà nước	162.000.000.000	45,00%	162.000.000.000	45,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	198.000.000.000	55,00%	198.000.000.000	55,00%
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	27,00%	97.200.000.000	27,00%
+ Đối tượng khác	100.800.000.000	28,00%	100.800.000.000	28,00%
	<u>360.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>360.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

20.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2022 CP	01/01/2022 CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.000.000	36.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.000.000	36.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.000.000	36.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	3.174,80	2.896,95
- Yên Nhật	1.249.107,00	71.801,00

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.254.683.825	112.460.741.241
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.488.580.187	80.979.215.952
+ Doanh thu bán hàng	55.766.103.638	31.481.525.289
Doanh thu với các bên liên quan	19.641.499.357	4.454.474.516
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	63.478.398	120.375.483
+ Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	1.562.367.956	16.616.420
+ Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	982.387.546	4.317.482.613
+ Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	17.033.265.457	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	65.171.498.393	35.854.025.133
- Giá vốn hàng hóa đã bán	55.204.173.490	57.253.655.527
	120.375.671.883	93.107.680.660

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	270.537.374	555.668.072
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư khác	-	45.240.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	158.878.197
- Trái tức từ trái phiếu chuyển đổi của ALS	-	622.828
- Doanh thu tài chính khác	4.543.410	-
	275.080.784	760.409.097

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Chi phí lãi vay	2.467.936.951	1.533.406.006
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	988.970.913	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.466.580	59.096.355
- Chi phí tài chính khác	-	5.683.600.000
	3.458.374.444	7.276.102.361

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	17.188.859.719	6.382.922.140
- Chi phí nhân viên quản lý	6.548.196.837	6.627.657.374
- Dự phòng/Hoàn nhập nợ phải thu khó đòi	7.116.041.600	(3.800.000.000)
- Chi phí quản lý khác	3.524.621.282	3.555.264.766
b. Các khoản chi phí bán hàng	1.576.905.750	5.685.160.107
- Chi phí nhân công	1.082.243.743	1.405.652.646
- Chi phí bán hàng khác	494.662.007	4.279.507.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	54.545.455	4.572.236
- Các khoản khác	28.431.865	338.213.341
	82.977.320	342.785.577

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
- Tiền phạt vi phạm hành chính, thuế	242.238.679	95.255.835
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	79.423.426	-
- Các khoản chi phí khác	3.251.889	677.370.223
	324.913.994	772.626.058

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

29.1 THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tổng thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.444.778.826	1.063.773.000
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	216.000.000	84.000.000
- Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	2.228.778.826	979.773.000

29.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Mối quan hệ	- 7.016.162.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	Đầu tư khác, Cổ đông lớn	- 5.783.320.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Đầu tư khác	- 1.157.442.000
	Công ty liên kết	- 75.400.000
Mua hàng từ bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	Mối quan hệ	- 113.863.636
	Công ty liên kết	- 113.863.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

29.3 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	Mối quan hệ	19.429.531.910	13.123.902.004
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết	3.559.665.943	3.975.011.681
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	60.297.061	23.890.323
- Công ty CP Chuỗi Cung ứng Liên Hợp	Công ty liên kết	5.099.457	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết	6.679.469.449	-
- Công ty Cổ phần Đa Phúc	Công ty liên kết	9.125.000.000	9.125.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		13.200.000.000	13.200.000.000
- Công ty CP Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết	10.900.000.000	10.900.000.000
- Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật Cách	Công ty liên kết	2.300.000.000	2.300.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		379.387.370	-
- Công ty Cổ Phần Bê tông Sơn Tây	Công ty liên kết	379.387.370	-

30. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến thời điểm 30/06/2022 lỗ lũy kế của Công ty là 64.719.522.802 đồng, tại ngày tại ngày này các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 85.159.883.230 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào việc triển khai thành công các kế hoạch của Công ty trong tương lai.

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên A) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên.

Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Huyền Trang.

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ".

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 902/TB-KVI ngày 11/12/2018 tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Nay là Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) của Kiểm toán Nhà nước Khu vực 1 về kiểm toán chuyên đề việc xác định giá trị doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2017. Kiểm toán Nhà nước có kiến nghị với UBND thành phố Hà Nội liên quan đến phương án sử dụng đất chưa phù hợp, chậm triển khai:

- Xem xét điều chỉnh các quyết định phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện dự án từ lâu nhưng không thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Xem xét điều chỉnh quyết định cho phép chuyển đổi công năng sử dụng đất từ trụ sở làm việc sang đất thương mại, dịch vụ không đúng phương án cổ phần hóa: chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất 11.959 m² tại 17 Phạm Hùng của Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế và bổ sung chức năng sử dụng đất 2.746,9 m² tại 358 đường Láng cho Công ty CP Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế để kinh doanh dịch vụ và thương mại.
- Chỉ đạo rà soát, đàm phán hủy bỏ các hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư chuyển đổi mục đích sử dụng đất, liên quan đến quyền sử dụng đất thuê Nhà nước, trả tiền hàng năm không đúng quy định; Đánh giá lại năng lực các nhà đầu tư, nếu không đủ năng lực triển khai dự án thì làm việc với đối tác để chấm dứt hợp đồng giữa Công ty với Công ty Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quản trị và bà Nguyễn Thị Nhất Thảo để triển khai dự án 11.959,5 m² tại số 17 đường Phạm Hùng từ năm 2007 đến nay vẫn chưa triển khai dự án. Thực hiện đấu thầu lựa chọn đối tác để góp vốn liên doanh, liên kết để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng, kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản ... gắn với quyền sử dụng khu đất nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính - Kế toán

Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao